TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Hoàng Thị Hoài Phong
Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Võ Đại Minh-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thy-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hữu N, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: Số 127 đường NTT, tổ 3, phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984, vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-4-2019, bản tự khai ngày 02-5-2019, ngày 11-7-2019, giấy thỏa thuận ngày 11-7-2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Hữu N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05-4-2016. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng tính tình không hợp, không cùng quan điểm, những mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng cũng không hàn gắn được, hiện nay ông và bà T không sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay ông không còn tình cảm với bà T nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung là Trần Nguyễn Bảo A, sinh ngày 04-12-2016 hiện nay cháu A đang ở với bà T. Khi ly hôn ông yêu cầu giao cháu A cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2019 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Nhưng vào ngày 11-7-2019 và tại phiên tòa ông thay đổi yêu cầu là ông và bà T đã thỏa thuận giao cháu A cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con một lần 50.000.000 đồng, ông nộp làm 03 lần, lần một ông nộp 20.000.000 đồng vào ngày 31/7/2019, lần hai ông nộp 15.000.000 đồng vào ngày 10/9/2019, lần ba ông nộp 15.000.000 đồng vào ngày 08/11/2019.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày ngày 10-7-2019, giấy thỏa thuận ngày 11-7-2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Từ khi bà và ông Trần Hữu N kết hôn sống hạnh phúc nhưng đến tháng 11-2016 vợ chồng mâu thuẫn. Nay ông Trần Hữu N yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Trần Hữu N có 01 con chung là Trần Nguyễn Bảo A, sinh ngày 04-12-2016 hiện nay cháu A đang ở với bà T. Khi ly hôn bà và ông N đã thỏa thuận vào ngày 11-7-2019 là bà người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, ông N cấp dưỡng nuôi cháu A một lần 50.000.000 đồng, ông nộp làm 03 lần, lần một ông nộp 20.000.000 đồng vào ngày 31/7/2019, lần hai ông nộp 15.000.000 đồng vào ngày 10/9/2019, lần ba ông nộp 15.000.000 đồng vào ngày 08/11/2019.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 196, Điều 203, Điều 208, Điều 211, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu N. Ông Trần Hữu N ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh T. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung là Trần Nguyễn Bảo A, sinh ngày 04-12-2016. Khi ly hôn giao cháu A cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Nghị cấp dưỡng nuôi cháu A một lần 50.000.000 đồng, ông nộp làm 03 lần, lần một ông nộp 20.000.000 đồng vào ngày 31/7/2019, lần hai ông nộp 15.000.000 đồng vào ngày 10/9/2019, lần ba ông nộp 15.000.000 đồng vào ngày 08/11/2019. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không

có. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05-4-2016 là hợp pháp. Ông N cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không cùng quan điểm, những mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng cũng không hàn gắn được, hiện nay ông và bà T không sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay, nên ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Nghị được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T. Tại bản trình bày bà Nguyễn Thị Thanh T đồng ý ly hôn. Xét thấy, lý do xin ly hôn của ông N chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N và ghi nhận ông Trần Hữu N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

[3] Về con chung: Ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh T đã thỏa thuận với nhau tại giấy thỏa ghi ngày 11-7-2019 là giao cháu A cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con cháu A một lần 50.000.000 đồng, ông nộp làm 03 lần, lần một ông nộp 20.000.000 đồng vào ngày 31/7/2019, lần hai ông nộp 15.000.000 đồng vào ngày 10/9/2019, lần ba ông nộp 15.000.000 đồng vào ngày 08/11/2019 và tại phiên tòa ông N vẫn thống nhất với thỏa thuận này. Để đảm bảo quyền lợi của cháu A, Hội đồng xét xử quyết định ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông N và bà T là khi ly hôn giao cháu A cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi cháu A một lần 50.000.000 đồng, ông N nộp làm 03 lần, lần một ông N nộp 20.000.000 đồng vào ngày 31/7/2019, lần hai ông N nộp 15.000.000 đồng vào ngày 10/9/2019, lần ba ông N nộp 15.000.000 đồng vào ngày 08/11/2019 là phù hợp với Điều 81, Điều 107, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Với những nhận định trên phù hợp với ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu N ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

2/ Về con chung: Ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung là Trần Nguyễn Bảo A, sinh ngày 04-12-2016 hiện nay cháu A đang ở với bà T. Giao cháu Trần Nguyễn Bảo A cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông Trần Hữu N cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nguyễn Bảo A một lần 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), ông Trần Hữu N nộp làm 03 lần, lần một ông Trần Hữu N nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào ngày 31-7-2019, lần hai ông Trần Hữu N nộp 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) vào ngày 10-9-2019, lần ba ông Trần Hữu N nộp 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) vào ngày 08/11/2019.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Hữu N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông N đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001169 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, ông Trần Hữu N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trà Thanh Tùng